1. Hướng dẫn khai tờ khai hải quan (đối với hàng hóa nhập khẩu)

Mẫu tờ khai hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu là Mẫu HQ/2015/NK

Mẫu HQ/2015/NK​

\* Hướng dẫn khai tờ khai hải quan (đối với hàng hóa nhập khẩu)

- Mục số 01: Ghi tên đầy đủ, địa chỉ, số điện thoại, số Fax và mã số (nếu có) của người bán hàng ở nước ngoài bán hàng cho thương nhân Việt Nam.

- Mục số 02: Ghi tên đầy đủ, địa chỉ, số điện thoại, số Fax và mã số thuế của thương nhân nhập khẩu; chứng minh thư hoặc hộ chiếu (nếu là cá nhân).

- Mục số 03: Người khai hải quan ghi tên đầy đủ, địa chỉ, số điện thoại, số fax và mã số thuế của thương nhân uỷ thác cho người xuất khẩu hoặc tên đầy đủ, địa chỉ, số điện thoại, số fax và mã số thuế của người được uỷ quyền khai hải quan; chứng minh thư hoặc hộ chiếu (nếu người được ủy quyền là cá nhân).

- Mục số 04: Người khai hải quan ghi tên đầy đủ, địa chỉ, số điện thoại, số fax và mã số thuế của Đại lý hải quan; Số, ngày hợp đồng đại lý hải quan.

- Mục số 05: Ghi rõ loại hình xuất khẩu tương ứng.

- Mục số 06: Ghi số, ngày, tháng, năm của hoá đơn thương mại (nếu có).

- Mục số 07: Ghi số, ngày, tháng, năm giấy phép của cơ quan quản lý chuyên ngành đối với hàng hóa nhập khẩu và ngày, tháng, năm hết hạn của giấy phép (nếu có).

- Mục số 08: Ghi số ngày, tháng, năm ký hợp đồng và ngày, tháng, năm hết hạn (nếu có) của hợp đồng hoặc phụ lục hợp đồng (nếu có).

- Mục số 09: Ghi số, ngày, tháng, năm của vận đơn hoặc chứng từ vận tải có giá trị do người vận tải cấp thay thế vận đơn (nếu có).

- Mục số 10: Ghi tên cảng, địa điểm (được thoả thuận trong hợp đồng thương mại hoặc ghi trên vận đơn) nơi từ đó hàng hoá được xếp lên phương tiện vận tải để chuyển đến Việt Nam.

- Mục số 11: Ghi tên cảng/cửa khẩu nơi hàng hóa được dỡ từ phương tiện vận tải xuống. Trường hợp cảng/cửa khẩu dỡ hàng khác với địa điểm hàng hóa được giao cho người khai hải quan thì ghi cảng dỡ hàng/ địa điểm giao hàng.

- Mục số 12: Ghi tên tàu biển, số chuyến bay, số chuyến tàu hoả, số hiệu và ngày đến của phương tiện vận tải chở hàng hoá nhập khẩu từ nước ngoài vào Việt Nam theo các loại hình vận chuyển đường biển, đường hàng không, đường sắt, đường bộ.

- Mục số 13: Ghi tên nước, vùng lãnh thổ nơi mà từ đó hàng hoá được chuyển đến Việt Nam (nơi hàng hoá được xuất bán cuối cùng đến Việt Nam).

Lưu ý áp dụng mã nước cấp ISO 3166, không ghi tên nước, vùng lãnh thổ mà hàng hoá trung chuyển qua đó.

- Mục số 14: Ghi rõ điều kiện giao hàng mà hai bên mua và bán thoả thuận trong hợp đồng thương mại.

- Mục số 15: Ghi rõ phương thức thanh toán đã thoả thuận trong hợp đồng thương mại;

- Mục số 16: Ghi mã của loại tiền tệ dùng để thanh toán (nguyên tệ) được thoả thuận trong hợp đồng thương mại. Áp dụng mã tiền tệ phù hợp với ISO 4217.

- Mục số 17: Ghi tỷ giá giữa đơn vị nguyên tệ với tiền Việt Nam áp dụng để tính thuế (theo quy định hiện hành tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan) bằng đồng Việt Nam.

- Mục số 18: Ghi rõ tên hàng, quy cách phẩm chất hàng hoá theo hợp đồng thương mại hoặc các chứng từ khác liên quan đến lô hàng.

Trong trường hợp lô hàng có từ 02 mặt hàng trở lên thì cách ghi vào tiêu thức này như sau:

+ Trên tờ khai hải quan ghi: “theo phụ lục tờ khai”.

+ Trên phụ lục tờ khai: ghi rõ tên, quy cách phẩm chất từng mặt hàng.

Đối với lô hàng được áp vào 01 mã số nhưng trong lô hàng có nhiều chi tiết, nhiều mặt thì ghi tên gọi chung của lô hàng trên tờ khai, được phép lập bản kê chi tiết (không phải khai vào phụ lục).

- Mục số 19: Ghi mã số phân loại theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam. Trong trường hợp lô hàng có từ 2 mặt hàng trở lên thì cách ghi vào tiêu thức này như sau:

+ Trên tờ khai hải quan: không ghi gì.

+ Trên phụ lục tờ khai: ghi rõ mã số từng mặt hàng.

- Mục số 20: Ghi tên nước, vùng lãnh thổ nơi hàng hoá được chế tạo (sản xuất) ra. Áp dụng mã nước quy định trong ISO 3166.

Trường hợp lô hàng có từ 02 mặt hàng trở lên thì cách ghi tương tự tại ô số 19.

- Mục số 21: Ghi tên mẫu C/O được cấp cho lô hàng thuộc các Hiệp định Thương mại tự do mà Việt Nam là thành viên.

- Mục số 22: Ghi số lượng, khối lượng hoặc trọng lượng từng mặt hàng trong lô hàng thuộc tờ khai hải quan đang khai báo phù hợp với đơn vị tính tại ô số 23.

Trong trường hợp lô hàng có từ 02 mặt hàng trở lên thì cách ghi tương tự tại ô số 19.

- Mục số 23: Ghi tên đơn vị tính của từng mặt hàng theo quy định tại Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu hoặc thực tế giao dịch.

Trong trường hợp lô hàng có từ 02 mặt hàng trở lên thì cách ghi tương tự tại ô số 19.

- Mục số 24: Ghi giá của một đơn vị hàng hoá (theo đơn vị ở ô số 23) bằng loại tiền tệ đã ghi ở ô số 16, căn cứ vào thoả thuận trong hợp đồng thương mại, hoá đơn, L/C hoặc tài liệu khác liên quan đến lô hàng.

Hợp đồng thương mại theo phương thức trả tiền chậm và giá mua, giá bán ghi trên hợp đồng gồm cả lãi suất phải trả thì đơn giá được xác định bằng giá mua, giá bán trừ (-) lãi suất phải trả theo hợp đồng thương mại.

Trong trường hợp lô hàng có từ 02 mặt hàng trở lên thì cách ghi tương tự tại ô số 20.

- Mục số 25: Ghi trị giá nguyên tệ của từng mặt hàng nhập khẩu, là kết quả của phép nhân (x) giữa “Lượng hàng (ô số 22) và “Đơn giá nguyên tệ (ô số 24)”.

Trong trường hợp lô hàng có từ 02 mặt hàng trở lên thì cách ghi vào ô này như sau:

+ Trên tờ khai hải quan: ghi tổng trị giá nguyên tệ của các mặt hàng khai báo trên phụ lục tờ khai.

+ Trên phụ lục tờ khai: Ghi trị giá nguyên tệ cho từng mặt hàng.

- Mục số 26:

+ Trị giá tính thuế: Ghi trị giá tính thuế của từng mặt hàng bằng đồng Việt Nam.

+ Thuế suất (%): Ghi mức thuế suất tương ứng với mã số đã xác định tại ô số 19 theo Biểu thuế áp dụng.

+ Ghi số thuế nhập khẩu phải nộp của từng mặt hàng.

Trường hợp lô hàng có từ 2 mặt hàng trở lên thì cách ghi vào ô này như sau:

++ Trên tờ khai hải quan ghi tổng số thuế nhập khẩu phải nộp tại ô “tiền thuế” tương ứng.

++ Trên phụ lục tờ khai ghi rõ trị giá tính thuế, thuế suất, số thuế nhập khẩu phải nộp cho từng mặt hàng

- Mục số 27:

+ Trị giá tính thuế của thuế tiêu thụ đặc biệt là tổng của trị giá tính thuế nhập khẩu và thuế nhập khẩu phải nộp của từng mặt hàng

+ Thuế suất %: Ghi mức thuế suất thuế TTĐB tương ứng với mã số hàng hoá được xác định mã số hàng hoá tại ô số 19 theo Biểu thuế TTĐB.

+ Tiền thuế: Ghi số thuế TTĐB phải nộp của từng mặt hàng

Trường hợp lô hàng có từ 02 mặt hàng trở lên thì cách ghi tương tự ô số 26.

- Mục số 28:

+ Số lượng chịu thuế bảo vệ môi trường của hàng hóa nhập khẩu là số lượng hàng hóa theo đơn vị quy định tại biểu mức thuế Bảo vệ môi trường.

+ Mức thuế BVMT của hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại biểu mức thuế Bảo vệ môi trường.

+ Tiền thuế: Ghi số tiền thuế BVMT phải nộp của từng mặt hàng.

Trường hợp lô hàng có từ 2 mặt hàng trở lên thì cách ghi tương tự ô số 26.

- Mục số 29:

+ Trị giá tính thuế của thuế giá trị gia tăng là giá thuế nhập khẩu tại cửa khẩu cộng với thuế nhập khẩu (nếu có) cộng với thuế TTĐB (nếu có) cộng thuế BVMT (nếu có). Giá nhập tại cửa khẩu được xác định theo quy định về giá tính thuế hàng nhập khẩu.

+ Thuế suất %: Ghi mức thuế suất thuế GTGT tương ứng với mã số hàng hoá được xác định mã số hàng hoá tại ô số 19 theo Biểu thuế GTGT

+ Tiền thuế: Ghi số tiền thuế GTGT phải nộp của từng mặt hàng.

Trường hợp lô hàng có từ 2 mặt hàng trở lên thì cách ghi tương tự ô 26.

- Mục số 30: Tổng số tiền thuế (ô 26 + 27 + 28 + 29), người khai hải quan ghi tổng số tiền thuế nhập khẩu, TTĐB, BVMT và GTGT; bằng chữ.

- Mục số 31: Người khai hải quan khai khi vận chuyển hàng hóa nhập khẩu bằng container ghi như sau:

+ Số hiệu container: Ghi số hiệu từng container;

+ Số lượng kiện trong container: Ghi số lượng kiện có trong từng container;

+ Trọng lượng hàng trong container: Ghi trọng lượng hàng chứa trong từng container tương ứng và cuối cùng cộng tổng trọng lượng của lô hàng;

Trường hợp có từ 4 container trở lên thì người ghi cụ thể thông tin trên phụ lục tờ khai hải quan không ghi trên tờ khai.

- Mục số 32: Liệt kê các chứng từ đi kèm của tờ khai hàng hoá nhập khẩu.

- Mục số 33: Ghi ngày/ tháng/ năm khai báo, ký xác nhận, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu trên tờ khai.

2. Hướng dẫn khai tờ khai hải quan (đối với hàng hóa xuất khẩu)

Mẫu tờ khai hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu là Mẫu HQ/2015/XK

Mẫu HQ/2015/XK

\* Hướng dẫn khai tờ khai hải quan (đối với hàng hóa xuất khẩu)

- Mục số 01: Người khai hải quan ghi tên đầy đủ, địa chỉ, số điện thoại, số Fax và mã số thuế của thương nhân Việt Nam bán hàng cho người mua hàng ở nước ngoài; chứng minh thư hoặc hộ chiếu (nếu là cá nhân).

- Mục số 02: Người khai hải quan ghi tên đầy đủ, địa chỉ, số điện thoại, số Fax và mã số (nếu có) của thương nhân nhập khẩu.

- Mục số 03: Người khai hải quan ghi tên đầy đủ, địa chỉ, số điện thoại, số fax và mã số thuế của thương nhân uỷ thác cho người xuất khẩu hoặc tên đầy đủ, địa chỉ, số điện thoại, số fax và mã số thuế của người được uỷ quyền khai hải quan; chứng minh thư hoặc hộ chiếu (nếu người được ủy quyền là cá nhân).

- Mục số 04: Người khai hải quan ghi tên đầy đủ, địa chỉ, số điện thoại, số fax và mã số thuế của Đại lý hải quan; Số, ngày hợp đồng đại lý hải quan.

- Mục số 05: Ghi rõ loại hình xuất khẩu tương ứng.

- Mục số 06: Ghi số, ngày, tháng, năm của giấy phép của các cơ quan quản lý chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu và ngày, tháng, năm hết hạn của giấy phép (nếu có).

- Mục số 07: Ghi số ngày, tháng, năm ký hợp đồng và ngày, tháng, năm hết hạn (nếu có) của hợp đồng hoặc phụ lục hợp đồng (nếu có).

- Mục số 08: Ghi số, ngày, tháng, năm của hoá đơn thương mại (nếu có).

- Mục số 09: Ghi tên cảng, địa điểm (được thoả thuận trong hợp đồng thương mại) nơi từ đó hàng hoá được xếp lên phương tiện vận tải để xuất khẩu.

- Mục số 10: Ghi tên nước, vùng lãnh thổ đến cuối cùng được xác định tại thời điểm hàng hóa xuất khẩu, không tính nước, vùng lãnh thổ mà hàng hóa đó quá cảnh. Áp dụng mã nước, vùng lãnh thổ cấp ISO 3166.

- Mục số 11: Ghi rõ điều kiện giao hàng mà hai bên mua và bán thoả thuận trong hợp đồng thương mại;

- Mục số 12: Ghi rõ phương thức thanh toán đã thoả thuận trong hợp đồng thương mại (ví dụ: L/C, DA, DP, TTR hoặc hàng đổi hàng …) (nếu có);

- Mục số 13: Ghi mã của loại tiền tệ dùng để thanh toán (nguyên tệ) được thoả thuận trong hợp đồng thương mại. Áp dụng mã tiền tệ phù hợp với ISO 4217 (ví dụ: đồng dollar Mỹ là USD). (nếu có).

- Mục số 14: Ghi tỷ giá giữa đơn vị nguyên tệ với tiền Việt Nam áp dụng để tính thuế (theo quy định hiện hành tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan) bằng đồng Việt Nam (nếu có).

- Mục số 15: Ghi rõ tên hàng, quy cách phẩm chất hàng hoá theo hợp đồng thương mại và tài liệu khác liên quan đến lô hàng.

Trong trường hợp lô hàng có từ 04 mặt hàng trở lên thì cách ghi như sau:

+ Trên tờ khai hải quan ghi: “theo phụ lục tờ khai”.

+ Trên phụ lục tờ khai: ghi rõ tên, quy cách phẩm chất từng mặt hàng.

Đối với lô hàng được áp vào một mã số nhưng trong lô hàng có nhiều chi tiết, nhiều mặt hàng thì ghi tên gọi chung của lô hàng trên tờ khai, được phép lập bản kê chi tiết (không phải khai vào phụ lục).

- Mục số 16: Ghi mã số phân loại theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

Trong trường hợp lô hàng có từ 04 mặt hàng trở lên thì cách ghi vào ô này như sau:

+ Trên tờ khai hải quan: không ghi.

+ Trên phụ lục tờ khai: ghi rõ mã số từng mặt hàng.

- Mục số 17: Ghi tên nước, vùng lãnh thổ nơi hàng hoá được chế tạo ra. Áp dụng mã nước quy định trong ISO.

Trường hợp lô hàng có từ 4 mặt hàng trở lên thì cách ghi tương tự tại ô số 16.

- Mục số 18: Ghi số lượng, khối lượng hoặc trọng lượng từng mặt hàng trong lô hàng thuộc tờ khai hải quan đang khai báo phù hợp với đơn vị tính tại ô số 19.

Trong trường hợp lô hàng có từ 04 mặt hàng trở lên thì cách ghi tương tự tại ô số 16.

- Mục số 19: Ghi tên đơn vị tính của từng mặt hàng theo quy định của Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu hoặc theo thực tế giao dịch.

Trong trường hợp lô hàng có từ 04 mặt hàng trở lên thì cách ghi tương tự tại ô số 16.

- Mục số 20: Ghi giá của một đơn vị hàng hoá bằng loại tiền tệ đã ghi ở ô số 13, căn cứ vào thoả thuận trong hợp đồng thương mại, hoá đơn, L/C hoặc tài liệu khác liên quan đến lô hàng.

Trong trường hợp lô hàng có từ 4 mặt hàng trở lên thì cách ghi tương tự tại ô số 16.

- Mục số 21: Ghi trị giá nguyên tệ của từng mặt hàng xuất khẩu, là kết quả của phép nhân (X) giữa “Lượng hàng (ô số 18) và “Đơn giá (ô số 20)”.

Trong trường hợp lô hàng có từ 4 mặt hàng trở lên thì cách ghi vào ô này như sau:

+ Trên tờ khai hải quan: ghi tổng trị giá nguyên tệ của các mặt hàng khai báo trên phụ lục tờ khai.

+ Trên phụ lục tờ khai: Ghi trị giá nguyên tệ cho từng mặt hàng.

- Mục số 22:

+ Trị giá tính thuế: Ghi trị giá tính thuế của từng mặt hàng bằng đơn vị tiền Việt Nam.

+ Thuế suất (%): Ghi mức thuế suất tương ứng với mã số đã xác định tại ô số 16 theo Biểu thuế xuất khẩu.

+ Ghi số thuế xuất khẩu phải nộp của từng mặt hàng.

Trường hợp lô hàng có từ 4 mặt hàng trở lên thì cách ghi vào tiêu thức này như sau:

++ Trên tờ khai hải quan ghi tổng số thuế xuất khẩu phải nộp tại ô “cộng”.

++ Trên phụ lục tờ khai ghi rõ trị giá tính thuế, thuế suất, số thuế xuất khẩu phải nộp cho từng mặt hàng.

- Mục số 23:

+ Trị giá tính thu khác: Ghi số tiền phải tính thu khác.

+ Tỷ lệ %: Ghi tỷ lệ các khoản thu khác theo quy định

+ Số tiền: Ghi số tiền phải nộp

Trong trường hợp lô hàng có từ 4 mặt hàng trở lên thì cách ghi tương tự tại ô số 22.

- Mục số 24: Tổng số tiền thuế và thu khác (ô 22 + 23), người khai hải quan ghi tổng số tiền thuế xuất khẩu, thu khác, bằng số và bằng chữ.

- Mục số 25: Người khai hải quan khai khi vận chuyển hàng hóa xuất khẩu bằng container ghi đầy đủ: Số hiệu container; Số lượng kiện trong container; Trọng lượng hàng trong container; Địa điểm đóng hàng:

Trường hợp có từ 4 container trở lên thì người ghi cụ thể thông tin trên phụ lục tờ khai hải quan không ghi trên tờ khai.

- Mục số 26: Liệt kê các chứng từ đi kèm của tờ khai hàng hoá xuất khẩu.

- Mục số 27: Ghi ngày/ tháng/ năm khai báo, ký xác nhận, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu trên tờ khai.

Căn cứ pháp lý: Thông tư 38/2015/TT-BTC